

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 682/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện mục tiêu
tăng trưởng kinh tế “hai con số” trong giai đoạn 2026 - 2030
và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về lãnh đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số” trong giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số” trong giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045.

Điều 2. Căn cứ vào Chương trình hành động này, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo xây dựng Chương trình hoặc Kế hoạch hành động để cụ thể hoá, triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp kịp thời triển khai cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh được biết và tổ chức thực hiện.

- Trong quá trình điều hành, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo thực hiện; đánh giá hằng năm, giữa kỳ, 05 năm về các chỉ tiêu, tình hình thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành nhằm bảo đảm sự phối hợp xử lý, điều chỉnh, bổ sung các chủ trương, giải pháp kịp thời.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã, phường; Thủ tướng các doanh nghiệp có vốn nhà nước (do tỉnh quản lý) và các cơ quan trực thuộc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thành Ngại

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện mục tiêu
tăng trưởng kinh tế “hai con số” trong giai đoạn 2026 - 2030
và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045
(Kèm theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Mục đích, yêu cầu

- Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về lãnh đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045.

- Tập trung khơi thông các điểm nghẽn, phát huy tối đa các động lực tăng trưởng của từng khu vực kinh tế và các hành lang kinh tế chiến lược, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu Tỉnh ủy đã thông qua; thúc đẩy phát triển công nghiệp theo hướng nhanh và bền vững, tiên phong xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, từng bước đưa tỉnh trở thành địa phương phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cụ thể hóa các động lực tăng trưởng của từng khu vực kinh tế thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ trách nhiệm cho các Sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của UBND tỉnh, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

2. Quan điểm chỉ đạo, điều hành

- Tăng trưởng kinh tế ở mức cao gắn với xác lập và thực hiện hiệu quả mô hình tăng trưởng mới có ý nghĩa quyết định, là điều kiện tiên quyết để bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 và năm 2045.

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới chủ yếu dựa vào hiệu quả vốn đầu tư, năng lực lao động, đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chú trọng vào đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước nhưng tập trung chủ yếu vào hiệu quả, chiều sâu, tính bền vững; kết hợp chặt chẽ giữa thu hút các nguồn lực bên ngoài và huy động nguồn nội lực; thúc đẩy công nghiệp, dịch vụ phát triển và làm nền tảng cho tăng trưởng dài hạn.

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng bền vững, không đánh đổi môi trường, an sinh xã hội và ổn định quốc phòng, an ninh; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Giai đoạn 2026 - 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ **9,0%/năm** trở lên, phấn đấu đến năm 2030 đạt từ **10%** trở lên. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng bình quân khoảng **14,8%/năm**; khu vực dịch vụ tăng khoảng **8,9%/năm**; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng **3,5%/năm**; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng khoảng **6,2%/năm**.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt **150 - 154** triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 bình quân chiếm **33%** GRDP.

- Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân **10%/năm**.

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu **30%** GRDP.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội (*theo giá so sánh 2010*) đạt khoảng **8,0%/năm**.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đến năm 2030 giảm xuống còn **22%**.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt **82,5%**, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt **43,5%**.

- Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

2. Giai đoạn 2031 - 2045

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân phấn đấu đạt **11 - 12%/năm**.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội (*theo giá so sánh 2010*) đạt khoảng **10%/năm**.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động về sự cần thiết, cấp bách phải thực hiện các giải pháp đột phá, đồng bộ, mang tính cách mạng để thực hiện yêu cầu tăng trưởng cao và bền vững gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tuyên truyền, khơi dậy khát vọng tự lực, tự cường của mọi người dân, doanh nghiệp với việc lan toả những mô hình tốt, mô hình khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, khích lệ tinh thần đổi mới, khát vọng làm giàu thi đua phát triển kinh tế, vươn lên trong cuộc sống, nâng cao thu nhập và mức sống người dân. Đa dạng các hình thức tuyên truyền các chủ trương, chính

sách về tăng trưởng kinh tế hai con số, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu.

b) Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp xây dựng các chương trình phát sóng, lan tỏa mô hình mới về phát triển kinh tế tư nhân và chuyển đổi số, các mô hình phát triển kinh tế ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. Thực hiện hiệu quả 05 đột phá chiến lược của tỉnh

Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, triển khai thực hiện, đánh giá hằng năm, giữa kỳ, 05 năm Kế hoạch thực hiện 05 đột phá chiến lược về công nghiệp, giao thông, nông nghiệp, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhân lực, trong đó, nông nghiệp là nền tảng phát triển, giao thông đi trước mở lối, công nghiệp đầu tàu tăng trưởng; nhân lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng dài hạn, bền vững.

3. Tháo gỡ điểm nghẽn; xử lý ngay các dự án, công việc đang tồn đọng; đẩy mạnh phòng, chống lãng phí; đưa ngay các nguồn lực đang bị tồn đọng, lãng phí vào phục vụ tăng trưởng kinh tế

3.1. Tháo gỡ điểm nghẽn về hạ tầng giao thông

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường:

- Tích cực phối hợp các Bộ, ngành Trung ương và địa phương trong vùng đầu tư xây dựng, nâng cấp hoàn chỉnh, đồng bộ các dự án trọng điểm, liên kết vùng như: Dự án cao tốc Dinh Bà - Cao Lãnh; Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1; cao tốc Đức Hòa - Mỹ An; Mỹ An - Cao Lãnh; Cao Lãnh - Lộ Tế; Mở rộng trục cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận và cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 2.

- Phối hợp các Bộ, Ngành Trung ương đầu tư các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh như: Dự án nâng cấp Quốc lộ 30, Quốc lộ 30B, Quốc lộ 50 và 02 tuyến tránh; Quốc lộ 60 và Quốc lộ 50B. Đồng thời, kiến nghị Trung ương quan tâm bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng cầu Tân Châu - Hồng Ngự và tuyến Quốc lộ N1 đoạn qua địa bàn tỉnh; cầu Ô Môn và cầu Sa Đéc trên tuyến liên kết vùng Sa Đéc - Ô Môn - Giồng Riềng.

- Tiếp tục tham mưu, triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030; hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các công trình trọng điểm giai đoạn 2026 - 2030. Tập trung xây dựng các tuyến đường trục chính, đường vành đai theo quy hoạch nhằm mở rộng, phát triển không gian, tạo mỹ quan đô thị của các địa phương. Tiếp tục tập trung nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn, trong đó ưu tiên các tuyến đường trục động lực quan trọng liên kết vùng kết nối với các tuyến đường tỉnh; bảo đảm công tác bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cầu đường; huy động mọi nguồn lực phục vụ phát triển giao thông nông thôn, thực

hiện có hiệu quả phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”.

- Phối hợp Trung ương chuẩn bị đầu tư và triển khai thi công kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiền; đầu tư nạo vét luồng các tuyến đường thủy quốc gia qua địa bàn tỉnh như: sông Tiền, sông Hậu, sông Soài Rạp; kêu gọi đầu tư nạo vét luồng một số tuyến đường thủy quan trọng do tỉnh quản lý. Thực hiện kêu gọi đầu tư các cảng biển theo quy hoạch quốc gia như khu bến trên sông Tiền, sông Hậu, cảng biển tổng hợp Gò Công; kêu gọi đầu tư hoặc đầu tư xây dựng hệ thống cảng hàng hóa, cảng hành khách, các bến tàu khách du lịch theo quy hoạch trên sông Tiền, sông Hậu, sông Soài Rạp.

- Chủ động, sẵn sàng phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ nhằm tận dụng cơ hội phát triển các đô thị, giảm chi phí logistics, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, kết nối thông suốt với trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

3.2. Tháo gỡ điểm nghẽn các dự án chậm triển khai

a) UBND các xã, phường khẩn trương rà soát, điều chỉnh hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy hoạch xây dựng không còn phù hợp; tập trung nguồn lực tổ chức lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng; tăng cường công tác mời gọi đầu tư; phối hợp thực hiện tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về quy hoạch, đất đai cho nhà đầu tư theo thẩm quyền.

b) Các chủ đầu tư thường xuyên rà soát khối lượng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Chỉ đạo nhà thầu huy động đầy đủ máy móc, thiết bị, nhân lực và vật liệu, tổ chức thi công hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bảo đảm hoàn thành khối lượng và giải ngân **100%** kế hoạch vốn được giao.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công Thương hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp sớm hoàn thành thủ tục đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp; thu hút dự án thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp; hỗ trợ triển khai các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sớm triển khai thi công.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu nguồn cát san lấp, đất đắp công trình để phục vụ cho công trình đầu tư công xây dựng trên địa bàn tỉnh; sớm đấu giá ít nhất **01** mỏ cát theo cơ chế thị trường để làm cơ sở công bố giá cát tại mỏ theo giá thị trường, làm cơ sở lập dự toán chi phí đầu tư xây dựng, giá gói thầu thi công xây dựng. Khẩn trương hướng dẫn quy trình, các bước thực hiện việc khai thác **39** khu vực đất thoái hóa (200 ha) có thể lấy đất san lấp cho công trình theo đúng quy định để giảm áp lực cho nguồn cát san lấp; theo dõi, hướng dẫn và kịp thời đề xuất UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đất đai, mặt bằng cho các công

trình, dự án theo quy định nhằm hạn chế phát sinh khiếu nại, khiếu kiện, kéo dài thời gian, ảnh hưởng lớn đến tiến độ của dự án.

e) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan:

- Thường xuyên rà soát, đánh giá nguyên nhân các công trình, dự án chậm triển khai hoặc chậm giải ngân; kịp thời điều phối kế hoạch vốn đầu tư công phù hợp, bảo đảm giải ngân **100%** kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn. Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai các dự án đầu tư tư nhân, chủ động tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và sớm đưa các công trình, dự án vào hoạt động.

- Rà soát, xử lý các dự án đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào sử dụng và các tài sản công đang khai thác chưa hiệu quả hoặc còn để trống; thực hiện các biện pháp phù hợp như chuyển giao quản lý để sớm đưa vào khai thác, sử dụng; cập nhật vào danh mục quản lý tập trung; tổ chức đấu giá công khai; cho thuê hoặc triển khai hợp tác công tư (PPP) để khai thác hiệu quả theo quy định.

4. Nâng cao hiệu quả đầu tư, năng suất lao động, tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đẩy mạnh các động lực tăng trưởng từ phía cung

4.1. Nâng cao hiệu quả vốn đầu tư

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường:

- Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, phát huy vai trò dẫn dắt của nguồn vốn này trong thúc đẩy phát triển. Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; hằng năm nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch vốn, tập trung nguồn lực cho các dự án giao thông, hạ tầng khu công nghiệp và các dự án trọng điểm thuộc các đột phá chiến lược của tỉnh; đồng thời giảm dần trải, thu gọn số lượng dự án. Tăng cường kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình triển khai, bảo đảm các dự án đầu tư công thực hiện đúng mục tiêu, phát huy hiệu quả, phòng ngừa thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

- Hoàn thiện danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2026 - 2030, phân đầu thu hút khoảng **280** dự án đầu tư, trong đó có **87** dự án FDI. Đồng thời, tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chuyển mạnh từ thu hút theo số lượng sang thu hút có chọn lọc, ưu tiên chất lượng, hiệu quả, công nghệ tiên tiến và giá trị gia tăng cao, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước theo đúng quy định; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong khai thác, mở rộng cơ sở thu và chống thất thu thuế, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước. Đồng thời, cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng ưu tiên cho đầu tư phát triển, phân đầu nâng tỷ lệ chi đầu tư phát triển đạt trên **35%** tổng chi ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, hoàn thiện

cơ chế, chính sách và xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong các lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường, y tế và giáo dục.

c) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 13 chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Triển khai hiệu quả các chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, bảo đảm an toàn thanh khoản của hệ thống. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng; cải tiến quy trình, đơn giản hóa thủ tục cho vay nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng thuận lợi.

- Định hướng và phối hợp điều tiết dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và các động lực tăng trưởng kinh tế gắn với lợi thế, tiềm năng của địa phương; ưu tiên tín dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND tỉnh (*lúa gạo, cây ăn trái, dứa, rau màu, hoa kiểng, sen, chăn nuôi, thủy sản*); tín dụng phục vụ doanh nghiệp, xây dựng nông thôn mới và thực hiện Chương trình OCOP. Khuyến khích các tổ chức tín dụng xem xét cho vay đối với các dự án phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, an toàn sinh học theo chuỗi liên kết; đổi mới công nghệ và phát triển hạ tầng giao thông, logistics, năng lượng tái tạo.

- Phối hợp thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, mở rộng các dịch vụ ngân hàng số và tài chính số, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại điện tử, tiêu dùng và các dịch vụ trên địa bàn.

4.2. Nâng cao năng suất lao động

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Phấn đấu đến năm 2030, chất lượng giáo dục của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; bố trí, sắp xếp hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, thư viện, nhà vệ sinh và các hạng mục phục vụ dạy học. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập tại những địa bàn có điều kiện. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, nâng cao chất lượng. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và triển khai hiệu quả văn phòng điện tử trong toàn ngành. Nhân rộng các mô hình học tập suốt đời.

- Nâng cao hiệu quả giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động. Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, bảo đảm cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp. Đẩy mạnh xã hội hóa, mở

rộng quy mô đào tạo, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; đẩy mạnh kiểm định chất lượng cơ sở và chương trình đào tạo. Tăng cường hợp tác quốc tế; tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, đặc biệt là đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đẩy mạnh giáo dục STEM, STEAM trong nhà trường, phấn đấu đến năm 2030 ít nhất 50% cơ sở giáo dục có phòng học STEM.

b) Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu xây dựng và triển khai chính sách thu hút, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực công, trọng tâm là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và người có tài năng, nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, năng lực phục vụ công tác tại tỉnh Đồng Tháp.

c) Trường Cao đẳng Y tế có lộ trình đào tạo nâng cao chất lượng, nằm trong nhóm dẫn đầu các trường cao đẳng y tế khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tiếp cận chất lượng ASEAN.

d) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức các lớp phổ cập kỹ năng số cho người dân, góp phần nâng cao năng lực tiếp cận và sử dụng công nghệ số, từng bước xây dựng xã hội số bao trùm và toàn diện.

4.3. Tạo đột phá trong phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách và xây dựng các chính sách đặc thù nhằm thu hút, khuyến khích và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ các “điểm nghẽn” về cơ chế, chính sách.

- Thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tăng cường hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số với các chuyên gia, nhà khoa học, các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Từng bước hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh; hỗ trợ tổ chức, cá nhân thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và tài sản trí tuệ.

- Tập trung phát triển kinh tế số trên 05 lĩnh vực trọng tâm, gồm: thương mại điện tử, du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh, sản xuất thông minh và logistics thông minh. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Xây dựng chính quyền số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, điều hành lên môi trường số; phát triển hạ tầng dữ liệu và các nền tảng số, thúc đẩy kinh tế số và xã hội số

của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Công viên phần mềm Mekong. Phấn đấu cải thiện thứ hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) và tăng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP.

b) Sở Tài chính chủ trì tham mưu tăng tỷ trọng chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phấn đấu đạt ít nhất **3%** tổng chi ngân sách hàng năm, góp phần tạo động lực tăng trưởng dài hạn.

5. Đẩy mạnh tiêu dùng nội địa, mở rộng các động lực tăng trưởng từ phía cầu

5.1. Đối với tiêu dùng của dân cư

a) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 13 chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng tiêu dùng; đơn giản hóa thủ tục, đa dạng hóa sản phẩm cho vay, đáp ứng nhu cầu vốn hợp pháp của người dân; tăng cường phối hợp tuyên truyền, kết nối và giải ngân vốn vay nhằm góp phần ngăn ngừa, đẩy lùi tín dụng đen trên địa bàn.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, công bố kịp thời bảng giá đất hằng năm.

5.2. Đối với xuất khẩu

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 11/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*Kế hoạch số 788/KH-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh*). Đồng thời, tăng cường năng lực hội nhập quốc tế, khai thác hiệu quả các cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA) nhằm đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu.

- Khuyến khích, hỗ trợ các dự án đầu tư mới tham gia hoạt động xuất khẩu, đồng thời tạo điều kiện để các dự án hiện hữu mở rộng quy mô và nâng cao năng lực xuất khẩu⁽¹⁾.

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại; xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm hằng năm, tập trung vào các ngành hàng chủ lực như thủy sản, gạo, dệt may, giày dép, rau quả. Đồng thời, duy trì và củng cố các thị trường xuất khẩu truyền thống (*Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN*), đồng thời mở rộng khai thác các thị trường tiềm năng như Anh, Úc, Ấn Độ, khu vực Trung Đông. Tổ chức các đoàn doanh nghiệp

¹ Công ty TNHH lớp Advance Việt Nam, Công ty TNHH Công nghiệp giấy Li Jun, Công ty CP nông nghiệp Hùng Hậu, Công ty TNHH Sản phẩm thể thao giải trí Bestway Việt Nam (giai đoạn 3 và giai đoạn 4), Công ty TNHH Dầu ăn thời đại mới, Công ty TNHH sản phẩm kim loại united brothers, Công ty TNHH sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu Thuận Phong...

khảo sát thị trường, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế; hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn chuyên đề về xuất khẩu.

- Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, quy định kỹ thuật, rào cản thương mại của các nước nhập khẩu; kịp thời cảnh báo các vụ việc phòng vệ thương mại để doanh nghiệp chủ động ứng phó.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc và các chứng nhận cần thiết đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển nhãn hiệu, cải tiến bao bì sản phẩm gắn với hệ thống truy xuất nguồn gốc, góp phần nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu.

- Phối hợp phát triển hạ tầng logistics, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu; tăng cường kết nối với hệ thống cảng biển, cửa khẩu và trung tâm logistics của vùng.

- Tăng cường kết nối doanh nghiệp với vùng nguyên liệu và các hiệp hội ngành hàng; thúc đẩy hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - xuất khẩu đối với các ngành hàng chủ lực.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xuất khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và tham gia hiệu quả các sàn thương mại điện tử quốc tế như Amazon, Alibaba... nhằm mở rộng kênh phân phối và thâm nhập thị trường nước ngoài.

- Đẩy mạnh cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trên nền tảng số, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục xuất khẩu; đồng thời kịp thời cung cấp, cập nhật thông tin liên quan đến việc cấp C/O cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

6. Kết hợp thúc đẩy mở rộng phạm vi, quy mô gắn với tăng nhanh giá trị gia tăng ở tất cả các ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ

6.1. Tạo đột phá trong cơ cấu lại ngành công nghiệp làm đầu tàu tăng trưởng kinh tế

a) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp Soài Rạp, Tân Phước 1, Bình Đông; đồng thời thu hút các dự án quy mô lớn để lấp đầy KCN Long Giang. Chủ động triển khai các thủ tục đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp theo quy hoạch tại các vùng công nghiệp Tân Phước, Gò Công và khu vực dọc sông Tiền, sông Hậu; tạo quỹ đất sạch để thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có giá trị gia tăng cao, nhất là trong các ngành có lợi thế xuất khẩu như chế biến nông sản, cơ khí chế tạo, điện tử, công nghiệp hỗ trợ. Phấn đấu đến năm 2030 đưa ít nhất **10** khu công nghiệp mới đi vào hoạt động, với quy mô trên 5.000 ha.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển ngành đóng tàu trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển ngành cơ khí, đóng và sửa chữa phương

tiện thủy, khai thác hiệu quả lợi thế về giao thông đường thủy. Đồng thời, tham mưu phát triển nhà ở xã hội gắn với hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan nghiên cứu, đầu tư và kêu gọi đầu tư các thiết chế văn hóa tại các khu dân cư mới và khu vực có đông công nhân, người lao động, đặc biệt tại các dự án nhà ở xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của người dân.

d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Tổ chức lại không gian công nghiệp theo hướng hình thành các vùng động lực phát triển gắn với lợi thế địa kinh tế và các trục giao thông chiến lược. Hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp hiện có, đồng thời phát triển mới và đưa vào hoạt động ít nhất **08** cụm công nghiệp.

- Theo dõi, đôn đốc ngành điện và các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn điện và lưới điện đã được phê duyệt trong Quy hoạch phát triển điện lực và Quy hoạch tỉnh, bảo đảm cung cấp điện ổn định phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt.

- Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư, sản xuất kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo thêm nguồn lực tăng trưởng cho ngành công nghiệp. Rà soát, tham mưu thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định để tạo quỹ đất sạch thu hút các dự án công nghiệp mới.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI và các chuỗi sản xuất lớn; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng công nghiệp trong nước và khu vực.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, sản xuất sạch hơn và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; từng bước thúc đẩy chuyển đổi các khu, cụm công nghiệp theo hướng sinh thái, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường và yêu cầu phát triển bền vững.

- Tiếp tục củng cố và phát triển các làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống gắn với bảo tồn giá trị văn hóa và phát triển kinh tế địa phương².

6.2. Phát triển ngành dịch vụ hiện đại, chất lượng cao

a) Các Sở: Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 13 và các sở, ngành, địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai các giải pháp phát triển đồng bộ các ngành dịch

² Củng cố và phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống có thương hiệu như: dệt chiếu, đóng xuồng, ghe, đan lưới, đan lát...

vụ như thương mại, logistics, vận tải, du lịch, tài chính - ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, dịch vụ số và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Thu hút đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng thương mại quy mô lớn, sớm đưa vào hoạt động các trung tâm thương mại, siêu thị đã được chấp thuận chủ trương đầu tư như: Trung tâm thương mại - dịch vụ Mỹ Tho, Siêu thị Go! Lai Vung, Siêu thị Cai Lậy; Trung tâm thương mại - dịch vụ tỉnh tại Quảng trường Hùng Vương (TTTM Aeon Mỹ Tho); Khu thương mại, dịch vụ Phường 6, Mỹ Tho (nay là phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp); Dự án chợ và khu phố chợ Tân Lập 1; dự án chợ và khu phố chợ Phú Thạnh; dự án Trung tâm tổ chức sự kiện, hội nghị, nhà hàng, khách sạn thị xã Cai Lậy; dự án Khu thương mại dịch vụ Thường Phước và Khu thương mại dịch vụ Sông Tiền.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ truyền thống, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý chợ theo hướng văn minh, hiện đại; nhân rộng mô hình chợ an toàn thực phẩm gắn với bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ thương mại.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2026 - 2030, phát triển các nền tảng thương mại điện tử, mở rộng kênh phân phối hàng hóa. Đồng thời triển khai hiệu quả Đề án phát triển kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, với đa dạng các loại hình dịch vụ lưu trú, ẩm thực, vui chơi giải trí và mua sắm về đêm.

- Triển khai Kế hoạch xúc tiến thương mại giai đoạn 2026 - 2030, tăng cường kết nối cung - cầu hàng hóa, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng hệ thống phân phối và phát triển thị trường nội địa; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nhãn hiệu, bao bì sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường.

- Tạo điều kiện để doanh nghiệp triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng, tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại như hội chợ, triển lãm, tuần lễ mua sắm, chương trình khuyến mại, giảm giá nhằm thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng và phát triển thị trường nội địa.

- Nghiên cứu phát triển hệ thống dịch vụ logistics cấp vùng, xây dựng các trung tâm logistics tại các khu vực Gò Công, Tân Phước, Cao Lãnh, Sa Đéc và Hồng Ngự phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; từng bước hình thành trung tâm trung chuyên, kho vận và phân phối hàng hóa kết nối vùng Đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh và thị trường xuất khẩu.

c) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Phát triển hệ sinh thái dịch vụ du lịch đồng bộ gồm lưu trú, ẩm thực, mua sắm, giải trí và các dịch vụ trải nghiệm nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách.

- Phát triển các điểm du lịch đặc trưng gắn với lợi thế riêng của từng xã, phường; nâng cao chất lượng các loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và du lịch văn hóa - lịch sử. Đồng thời, khuyến khích xây dựng các sản phẩm du lịch mới, các hoạt động trải nghiệm đặc thù gắn với tài nguyên bản địa và giá trị văn hóa của Đồng Tháp, tạo sự khác biệt và nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xây dựng và lan tỏa thương hiệu “*Đồng Tháp - Điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn*”; phấn đấu trong giai đoạn 2026 - 2030 thu hút **50** triệu lượt khách, trong đó, có **6** triệu lượt khách quốc tế, tổng thu từ du lịch đạt khoảng **35.500** tỷ đồng.

d) Sở Xây dựng

- Chủ trì phát triển dịch vụ vận tải và logistics, nâng cao năng lực vận tải đường bộ, đường thủy nội địa và kết nối liên vùng; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ logistics, kho bãi, trung chuyển hàng hóa gắn với hệ thống cảng, khu công nghiệp và trung tâm logistics của tỉnh.

- Tăng cường kết nối hạ tầng giao thông giữa các trung tâm đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch và các trung tâm logistics nhằm giảm chi phí vận chuyển và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ.

đ) Sở Y tế phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao, mở rộng các dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, kết hợp phát triển du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe; khuyến khích xã hội hóa đầu tư các cơ sở y tế chất lượng cao, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và thu hút người dân, du khách.

6.3. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp với trọng tâm là chuyển từ sản lượng sang giá trị gia tăng cao, tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường:

- Triển khai hiệu quả Đề án “*Xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”, Đề án Chuyển đổi số ngành nông nghiệp, Kế hoạch thực hiện Đề án 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, giảm phát thải gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đề án nâng cao thu nhập cho người trồng lúa.

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sử dụng đất nông nghiệp hợp lý, linh hoạt, phát huy lợi thế của địa phương; phát triển các ngành hàng chủ lực như lúa gạo, sen, hoa kiểng, cây ăn trái theo vùng sản xuất tập trung, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng giảm dần chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, an toàn sinh học; tăng cường quản

lý và xử lý chất thải chăn nuôi, thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

- Đối với ngành thủy sản nước ngọt, quy hoạch và mở rộng nuôi trồng tại các khu vực có điều kiện thuận lợi, hình thành các vùng nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn sinh học; phát triển Đồng Tháp trở thành trung tâm giống cá nước ngọt chất lượng cao, trung tâm chế biến sâu và xuất khẩu cá tra hàng đầu cả nước.

- Phát triển vùng duyên hải ven biển trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp biển thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu³; chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện nước mặn, lợ; phát triển nuôi trồng các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao như tôm, hào, nghêu, sò theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường. Đồng thời, tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản, từng bước hiện đại hóa đội tàu khai thác, thực hiện nghiêm các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

- Tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống thủy lợi bảo đảm chủ động nguồn nước cho sản xuất, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn và phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất. Ưu tiên nghiên cứu đầu tư hệ thống cấp nước tại các khu vực còn khó khăn về nguồn nước như Tân Phước, Gò Công và các vùng chịu ảnh hưởng của hạn, mặn và biến đổi khí hậu. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông nông thôn, tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên, môi trường; ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc, dự báo thị trường, xây dựng thương hiệu và phát triển các kênh phân phối, sàn thương mại điện tử cho nông sản.

- Tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường trong sản xuất nông nghiệp; thúc đẩy canh tác giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn, đáp ứng yêu cầu thị trường và nâng giá trị sản phẩm.

b) Sở Công Thương phối hợp phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản nông, thủy sản, ưu tiên các dự án chế biến sâu, kho lạnh, đóng gói và logistics lạnh gắn với vùng nguyên liệu; hỗ trợ kết nối tiêu thụ qua hệ thống phân phối hiện đại, chợ đầu mối và thương mại điện tử trong nước.

c) Sở Xây dựng phối hợp quy hoạch, đầu tư hạ tầng logistics phục vụ nông nghiệp (*bến bãi, tuyến vận chuyển nông sản, trung tâm thu gom, kho mát/kho lạnh*), tăng khả năng kết nối vùng sản xuất với khu chế biến và thị trường tiêu thụ.

d) Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp, trọng tâm là giống chất lượng cao, công nghệ bảo quản sau thu

³ Địa bàn thuộc các đơn vị (cũ) như: Thành phố Gò Công, huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông.

hoạch, chế biến sâu, tiêu chuẩn - quy chuẩn - đo lường chất lượng, góp phần nâng giá trị gia tăng và giảm tổn thất.

đ) Sở Tài chính phối hợp rà soát, lồng ghép nguồn lực chương trình, dự án để ưu tiên đầu tư cho hạ tầng vùng nguyên liệu, chế biến và logistics nông nghiệp.

7. Các giải pháp phát triển các khu vực kinh tế

7.1. Nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

a) Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh:

- Tăng cường đầu tư, mở rộng liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ lực và các doanh nghiệp công nghệ nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chức danh quản lý, bảo đảm nguyên tắc quyền hạn gắn với trách nhiệm. Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát và hệ thống kiểm soát nội bộ để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, giảm thiểu rủi ro trong quản trị, điều hành.

- Sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định để triển khai hoạt động nghiên cứu, đổi mới công nghệ hoặc đặt hàng nghiên cứu, phát triển từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm, gắn với yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế tiền lương theo quy định, bảo đảm tính cạnh tranh trong thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng cơ chế tiền thưởng gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh; đồng thời nâng cao chất lượng công tác lập, giao và quản trị kế hoạch, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Tham mưu hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc đánh giá tổng thể trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được giao, phản ánh đầy đủ lợi thế và các nguồn lực Nhà nước giao cho doanh nghiệp. Việc đánh giá được thực hiện thông qua hệ thống các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính được lượng hóa, công khai, minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật và tiệm cận thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tổ chức rà soát, đánh giá và có phương án xử lý đối với các dự án đầu tư kém hiệu quả, bảo đảm sử dụng hiệu quả vốn và tài sản nhà nước.

- Chủ trì tham mưu triển khai cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng thực chất và hiệu quả, giảm đầu mối, tăng quy mô và nâng cao năng lực hoạt động, qua đó phát huy tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn phát

triển mới. Khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; tiếp tục thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn tại một số doanh nghiệp theo lộ trình phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác, đồng thời cải thiện năng lực quản trị, công nghệ và năng lực tài chính của doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các cơ chế, chính sách xử lý các tồn đọng tài chính, góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ xử lý các phương án sử dụng đất tại các doanh nghiệp cổ phần hoá, thoái vốn.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Hướng dẫn chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của các doanh nghiệp nhà nước.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

7.2. Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030; tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi và bố trí nguồn lực thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tập thể.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh gắn với liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số; tổng kết và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hiệu quả.

7.3. Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, cùng các chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh. Phấn đấu nâng tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GRDP đạt từ **55%** đến **58%**; có ít nhất **02** doanh nghiệp tư nhân của tỉnh tham gia đầy đủ vào chuỗi giá trị toàn cầu; đạt tối thiểu **10** doanh

nghiệp trên 1.000 dân; trong giai đoạn 2026 - 2030 có thêm khoảng **22.500** doanh nghiệp thành lập mới.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, góp phần mở rộng quy mô và nâng cao năng lực của khu vực kinh tế tư nhân.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, phấn đấu đến năm 2030 giảm ít nhất **75%** chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với chi phí đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh theo quy định hiện hành.

b) Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, phấn đấu đến năm 2030 giảm tối thiểu **50%** số lượng quy định và giảm ít nhất **50%** chi phí tuân thủ các quy định về kinh doanh so với năm 2025, qua đó tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

- Trong năm 2026, trên cơ sở chức năng quản lý nhà nước và phạm vi quản lý thủ tục hành chính của từng ngành, chủ động rà soát, kiến nghị UBND tỉnh phương án cắt giảm, đơn giản hóa **100%** các điều kiện đầu tư, kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, chồng chéo, thiếu rõ ràng hoặc không khả thi; đồng thời bãi bỏ toàn bộ các điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với các ngành, nghề không thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, hướng dẫn và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số; nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

- Thường xuyên theo dõi, nâng cấp và bảo trì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, bảo đảm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, thực hiện số hóa hồ sơ, dữ liệu và kết nối, chia sẻ thông tin đồng bộ, đầy đủ với các địa phương sau khi thực hiện sáp nhập.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ, đổi mới công nghệ, ứng dụng các nền tảng số và các giải pháp chuyển đổi số, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

d) Văn phòng UBND tỉnh chủ trì theo dõi, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu:

- Trong năm 2026, bảo đảm **100%** thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình. Đồng thời, **100%** thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật đầy đủ, kịp thời.

- Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với việc giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu **95%** trong tất cả các lĩnh vực, bao gồm cả các lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp như đất đai, xây dựng, đầu tư. Bảo đảm **100%** doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, chấp thuận trong các lần giải quyết trước đó và đang được cơ quan nhà nước quản lý, hoặc đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường số.

- Phân đầu **100%** hồ sơ công việc của các cấp hành chính được xử lý trên môi trường mạng (trừ các nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước); đồng thời, ít nhất **90%** hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện trên môi trường số thông qua các hệ thống thông tin của cơ quan quản lý, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

e) Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Rà soát, điều phối và xử lý tình trạng chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch thanh tra với kế hoạch kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã. Việc xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm phối hợp chặt chẽ, tránh trùng lặp, không gây phiền hà, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc mỗi doanh nghiệp chỉ bị thanh tra, kiểm tra tối đa 01 lần trong năm, trừ trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác dữ liệu từ các hệ thống quản lý để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, ổn định và thuận lợi cho doanh nghiệp.

7.4. Nâng cao hiệu quả khu vực đầu tư nước ngoài

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài. Tập trung thu hút các dự án có công nghệ cao, công nghệ mới, giá trị gia tăng lớn, sử dụng lao động kỹ thuật trình độ cao và thân

thiện với môi trường; ưu tiên thu hút các tập đoàn lớn có vai trò dẫn dắt các chuỗi cung ứng quan trọng trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Chuyển mạnh từ thu hút đầu tư theo số lượng sang thu hút có chọn lọc, chú trọng chất lượng và hiệu quả, từng bước nâng tỷ trọng vốn FDI trong tổng vốn đầu tư thu hút mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Phát triển mô hình thu hút FDI chiến lược tại các khu vực động lực của tỉnh, gắn với việc đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số và cung cấp dịch vụ hành chính công theo mô hình “một cửa - một điểm - một nền tảng”, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư lớn trong các lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng sạch, kinh tế số và công nghiệp hỗ trợ chiến lược.

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ doanh nghiệp FDI gắn với cam kết chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, thử nghiệm và phát triển sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp FDI sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, qua đó thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa, từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong các chuỗi sản xuất.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các thị trường và đối tác chiến lược. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết như quỹ đất sạch, hạ tầng khu công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, nguồn nhân lực chất lượng, sẵn sàng đón các dòng vốn đầu tư quốc tế dịch chuyển và thu hút các dự án FDI có chất lượng vào đầu tư trên địa bàn tỉnh.

8. Khai thác không gian tăng trưởng mới từ các hành lang kinh tế và các địa phương

8.1. Tổ chức không gian phát triển, hình thành 05 hành lang kinh tế động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường bám sát định hướng phát triển 05 hành lang kinh tế, cùng các định hướng phát triển công nghiệp, đô thị, du lịch... để lồng ghép vào kế hoạch, quy hoạch và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đúng mục tiêu, định hướng đã đề ra.

8.2. Hoàn thành công tác điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường hoàn thành công tác điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 hoàn thành trong Quý II năm 2026, tổ chức công bố và xây dựng Kế hoạch triển khai Quy hoạch điều chỉnh sau khi được phê duyệt để thực hiện đồng bộ, thống nhất trong định hướng phát triển không gian, các động lực tăng trưởng, 05 hành lang kinh tế, các mục tiêu ưu tiên và tầm nhìn mới của tỉnh.

8.3. Thúc đẩy kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh bảo đảm phù hợp định hướng quốc gia và các quy định tại Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 Chính phủ. Hoàn thành quy hoạch đô thị và nông thôn làm cơ sở đầu tư, kêu gọi đầu tư hạ tầng khung, kết nối liên phường, xã tạo động lực phát triển cho các đô thị trung tâm và khu vực lân cận.

8.4. Thúc đẩy kinh tế nông thôn theo hướng đa giá trị

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Tổ chức triển khai xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, toàn diện và bền vững, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu; bảo đảm phát triển hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, gìn giữ cảnh quan, bản sắc văn hóa và các giá trị truyền thống của địa phương.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng đa giá trị. Thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị. Kết hợp phát triển kinh tế nông thôn với thực hiện giảm nghèo đa chiều, phòng ngừa tái nghèo. Thúc đẩy sản xuất thân thiện với môi trường, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới. Phân đấu đến năm 2030, tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030.

- Tập trung phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm tuân thủ đúng quy trình và quy định hiện hành; định hướng phát triển sản phẩm theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị và thân thiện với môi trường, gắn với ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa của địa phương; đồng thời chú trọng xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và phát triển các sản phẩm OCOP xanh.

- Đồng thời, triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nhằm nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ chi trả tiền lương cho lao động trẻ làm việc tại hợp tác xã; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản trị, kỹ năng kinh doanh và thông tin thị trường cho đội ngũ quản lý hợp tác xã.

- Khuyến khích xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã gắn với vùng chuyên canh, từng bước chuyển từ cung cấp dịch vụ đơn thuần sang tổ chức sản xuất và kinh doanh theo chuỗi giá trị, bảo đảm an toàn và bền vững. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

- Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách trung ương và địa phương, các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, cùng với

nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ và các dự án tài trợ để thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số trong khu vực nông nghiệp, nông thôn, đồng thời triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Phân đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ số đạt trên **40%**.

- Tập trung hoàn thiện **07** mô hình làng thông minh; xây dựng thêm ít nhất **07** hội quán ứng dụng công nghệ “Internet vạn vật” (IoT) trong sản xuất nông nghiệp; phân đầu **20%** hội quán và hợp tác xã ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm và tham gia hoạt động thương mại điện tử.

- Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, các công cụ cải tiến năng suất và các giải pháp công nghệ tiên tiến, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Tăng cường bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, đặc biệt là nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý “Đồng Tháp”.

8.5. Thúc đẩy động lực tăng trưởng mới từ khu kinh tế

Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường:

- Hoàn thành và tổ chức triển khai Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK) Đồng Tháp đến năm 2045; tập trung đầu tư xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong Khu kinh tế cửa khẩu, đặc biệt tại các khu vực cửa khẩu quốc tế Thường Phước và Dinh Bà. Đồng thời, đẩy mạnh công tác xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư chiến lược vào KKTCK, ưu tiên thu hút các dự án sản xuất, chế biến, logistics và dịch vụ hỗ trợ thương mại, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và tăng tỷ lệ lấp đầy Khu kinh tế cửa khẩu.

- Thường xuyên theo dõi, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình triển khai dự án; đồng thời kiên quyết xử lý theo quy định đối với các dự án chậm tiến độ hoặc không triển khai, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và nguồn lực đầu tư trong khu kinh tế.

8.6. Tạo đột phá trong phát triển kinh tế biển

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Đẩy nhanh tiến độ hình thành và hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp ven biển, tạo quỹ đất và điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án sản xuất, chế biến gắn với lợi thế kinh tế biển; đồng thời phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong định hướng phát triển công nghiệp gắn với hệ thống cảng biển và dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Thúc đẩy phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tiếp tục vận hành, khai thác hiệu quả các dự án điện gió đã được đầu tư, gồm Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 và Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2; đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư phát triển Khu vực điện gió Tân Thành với công suất khoảng 100 MW.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường nghiên cứu, định hướng phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái gắn với khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch biển và ven biển; tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch chất lượng cao như du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, chăm sóc sức khỏe; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng và kết nối tour, tuyến du lịch biển nội vùng và liên vùng với tuyến du lịch sông Mê Kông.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường:

- Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có đóng góp quan trọng vào sản lượng, giá trị và chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản; tập trung phát triển các loài hải sản có giá trị kinh tế cao tại vùng biển và ven biển. Tổ chức lại sản xuất nuôi biển theo định hướng thị trường, hình thành chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển đến chế biến sâu, ứng dụng công nghệ tiên tiến.

- Tăng cường đầu tư xây dựng và nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, từng bước hình thành hệ thống hậu cần nghề cá đồng bộ, bảo đảm điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

d) Sở Xây dựng phối hợp với các đơn vị có liên quan

Triển khai đầu tư tuyến đường bộ ven biển, tạo đột phá về kết nối giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực Gò Công, Tân Phú Đông và tăng cường liên kết với Vùng kinh tế biển. Đồng thời, phối hợp kêu gọi đầu tư phát triển đô thị ven biển với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, theo định hướng tăng trưởng xanh và đô thị thông minh.

9. Nâng cao hiệu quả kết hợp giữa việc thúc đẩy tăng trưởng nhanh với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

a) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan:

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền các chủ trương, giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, nắm, đánh giá và dự báo tình hình; chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các tình huống về an ninh, trật tự, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an

ninh, trật tự gắn với chuyển đổi số và cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho người dân và doanh nghiệp; bảo đảm an ninh, an toàn đối với các công trình, mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng.

- Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình hiệu quả trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường hợp tác, đối ngoại với lực lượng vũ trang Campuchia trong bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biên giới; kịp thời phối hợp xử lý hiệu quả các vấn đề phức tạp phát sinh trên tuyến biên giới.

b) Đề nghị Đoàn Kinh tế Quốc phòng 959

Phối hợp với các địa phương có liên quan triển khai các dự án trong Khu kinh tế quốc phòng Tân Hồng; triển khai mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng - an ninh, hỗ trợ sinh kế và nâng cao đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, góp phần ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

c) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm sự đồng bộ giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch quốc phòng, an ninh; thực hiện chặt chẽ công tác thẩm định quốc phòng, an ninh đối với các quy hoạch, dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quy mô lớn, có yếu tố nước ngoài hoặc triển khai tại các địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, viễn thông, công nghệ thông tin và hạ tầng số, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh gắn với nhiệm vụ phòng thủ và bảo vệ an ninh quốc gia.

- Kết hợp chặt chẽ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc, nhất là tại các địa bàn chiến lược, khu vực biên giới, ven biển; gắn phát triển kinh tế với ổn định dân cư, xây dựng “*thể trận lòng dân*”, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Tăng cường phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an và các ngành, địa phương trong nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa và kịp thời xử lý hiệu quả các vấn đề phức tạp phát sinh; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, rà soát, ban hành Chương trình hoặc Kế hoạch triển khai đồng bộ, thống nhất, hoàn thành **trong tháng 3 năm 2026**.

b) Hằng năm, căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động này để xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện hằng năm, bảo đảm lộ trình hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2030.

c) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ hằng năm, 05 năm, giữa kỳ.

*(Phân công thực hiện các chỉ tiêu, dự án, đề án trọng tâm
tại Phụ lục I, II, III, IV - đính kèm)*

2. Các cơ quan trực thuộc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các doanh nghiệp nhà nước (do tỉnh quản lý) căn cứ nội dung Chương trình hành động này, chủ động ban hành văn bản triển khai và tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh hằng năm, giữa kỳ và 05 năm; kịp thời tham mưu, kiến nghị UBND tỉnh các giải pháp điều chỉnh, bổ sung nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Hằng năm, chủ động tham mưu UBND tỉnh xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế của tỉnh, theo dõi sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu, kịp thời đề xuất các giải pháp điều hành phù hợp nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí, Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Chương trình hành động này./.

Phụ lục I
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Chương trình hành động ban hành tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
I	TỔNG SẢN PHẨM NỘI TỈNH (GRDP)			
1	Giá trị GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	536.491	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	- Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	142.705	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	177.683	
	. Công nghiệp	Tỷ đồng	143.247	Sở Công Thương
	. Xây dựng	Tỷ đồng	34.435	Sở Xây dựng
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	188.278	Sở Công Thương và các sở, ngành có quản lý lĩnh vực dịch vụ
	- Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	27.825	Thuế Tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX, Sở Tài chính
2	Cơ cấu GRDP (giá hiện hành)	%	100,00	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	- Nông - lâm - thủy sản	%	26,60	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Công nghiệp - xây dựng	%	33,12	
	. Công nghiệp	%	26,70	Sở Công Thương
	. Xây dựng	%	6,42	Sở Xây dựng
	- Dịch vụ	%	35,09	Sở Công Thương và các sở, ngành quản lý lĩnh vực dịch vụ
	- Thuế sản phẩm	%	5,19	Thuế Tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX, Sở Tài

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
				chính
3	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)	%	9,00	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	- Nông - lâm - thủy sản	%	3,50	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Công nghiệp - xây dựng	%	14,80	
	. Công nghiệp	%	14,50	Sở Công Thương
	. Xây dựng	%	16,30	Sở Xây dựng
	- Dịch vụ	%	8,90	Sở Công Thương và các sở, ngành có quản lý lĩnh vực dịch vụ
	- Thuế sản phẩm	%	6,20	Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX, Sở Tài chính
4	Giá trị GRDP (giá 2010)	Tỷ đồng	227.540	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	- Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	57.325	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	82.738	
	. Công nghiệp	Tỷ đồng	66.784	Sở Công Thương
	. Xây dựng	Tỷ đồng	15.954	Sở Xây dựng
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	75.942	Sở Công Thương và các sở, ngành có quản lý lĩnh vực dịch vụ
	- Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	11.535	Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX, Sở Tài chính
5	GRDP/người (giá thực tế)	Tr. đồng	150 - 154	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	GRDP/người theo USD	USD	5.499-5.640	
6	Quy mô kinh tế số/GRDP	%	30	Sở Khoa học và Công nghệ;

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
				Thống kê tỉnh
II	TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG			
1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm bổ sung từ ngân sách Trung ương)	Tỷ đồng	146.932 (Theo Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 31/12/2025)	Sở Tài chính
	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân	%/năm	10	
	Trong đó:			
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	142.432	
	Trong đó:			
	. Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	14.915	
	. Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	24.000	
	. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	133.503,7	
	. Tỷ lệ thu nội địa/tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	%	97,28	
	- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	4.000	
2	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	266.239	Sở Tài chính
	Trong đó:			
	- Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	95.812	
	+ Tỷ lệ chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách địa phương	%	35,99	
	- Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	131.444	
3	Tín dụng			Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 13
	Vốn huy động tăng trưởng bình	%/năm	14	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
	quân			
	Dư nợ vốn tín dụng tăng trưởng bình quân	%/năm	15 - 17	
	Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	%	< 3	
III	ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG			
1	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng	702.668	Sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường; Thống kê tỉnh (b/c)
	Huy động vốn đầu tư phát triển so với GRDP	%	33,0	
2	Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công			Sở Tài chính
	- Tổng kế hoạch vốn đã phân khai (tính đến cuối kỳ báo cáo)	Tỷ đồng	104.188,8	
	- Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	104.188,8	
	- Tỷ lệ giải ngân	%	100	
IV	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP			
1	Doanh nghiệp			Sở Tài chính
	- Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	22.500	
	- Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Tỷ đồng	165.750	
	- Tổng số lao động đăng ký	Người	331.000	
	- Doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động	Doanh nghiệp	2.450	
	- Doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp	1.750	
	- Doanh nghiệp hoạt động trở lại	Doanh nghiệp	3.050	
	- Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Doanh nghiệp	34.550	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
2	Số doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tính đến cuối kỳ báo cáo	Doanh nghiệp	75	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Hợp tác xã			Sở Tài chính
	- Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	82	
	- Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	HTX	518	
	- Số lao động trong hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	Người	46.440	
	- Số hợp tác xã hoàn tất thủ tục giải thể	HTX	34	
	- Tổng số liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp	0	
	- Tổng số tổ hợp tác	THT	1.214	
4	Đầu tư tư nhân mới			Sở Tài chính
	- Số dự án có chủ trương, cấp GCNĐKĐT (kể cả các dự án đấu giá quyền sử dụng đất)	Dự án	280	
	- Số dự án FDI	Dự án	87	
5	Số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Dự án	275	Sở Tài chính
V	SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN			Sở Nông nghiệp và Môi trường
1	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	135.910	
	- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	97.979	
	TD: Ngành hàng lúa gạo	Tỷ đồng	22.077	
	. Ngành hàng hoa kiểng	Tỷ đồng	7.226	
	. Ngành hàng sen	Tỷ đồng	41	
	. Cây lâu năm (các loại cây ăn trái và CLN khác)	Tỷ đồng	31.801	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
	- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp	Tỷ đồng	570	
	- Giá trị sản xuất ngành thủy sản	Tỷ đồng	37.361	
2	Sản phẩm trồng trọt chủ yếu			
a)	Lúa cả năm	Ha	583.904	
	Năng suất	Tạ/ha	67	
	Sản lượng	Nghìn tấn	3.914	
b)	Ngô	Ha	7.855	
	Năng suất	Tạ/ha	74	
	Sản lượng	Nghìn tấn	58	
c)	Hoa kiểng	Ha	5.886	
d)	Sen	Ha	1.970	
đ)	Một số cây lâu năm	Ha	169.405	
	- Cam, chanh, quýt, bưởi	Ha	13.050	
	Sản lượng	Nghìn tấn	288	
	- Nhãn	Ha	5.498	
	Sản lượng	Nghìn tấn	86	
	- Xoài	Ha	16.049	
	Sản lượng	Nghìn tấn	243	
	- Sầu riêng	Ha	38.290	
	Sản lượng	Nghìn tấn	677	
	- Mít	Ha	27.623	
	Sản lượng	Nghìn tấn	542	
	- Thanh long	Ha	7.965	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
	Sản lượng	Nghìn tấn	284	
	- Khóm	Ha	16.814	
	Sản lượng	Nghìn tấn	302	
	- Mãng cầu	Ha	326	
	Sản lượng	Nghìn tấn	2,75	
	- Sapo	Ha	1.744	
	Sản lượng	Nghìn tấn	44,62	
	- Cây ăn trái còn lại	Ha	14.616	
	Sản lượng	Nghìn tấn	379	
	- Dừa	Ha	25.861	
	Sản lượng	Nghìn tấn	408	
	Cây lâu năm khác (cây khác)	Ha	100	
3	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu			
a)	Tổng số đàn chăn nuôi tính đến thời điểm báo cáo			
	- Đàn trâu	Con	3.263	
	- Đàn bò	Con	191.915	
	- Đàn heo	Con	554.800	
	- Đàn gia cầm	1.000 con	28.270	
	Trong đó, tổng đàn vịt lữ kế	1.000 con	8.206	
b)	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tấn	285.958	
	- Thịt trâu hơi	Tấn	472	
	- Thịt bò hơi	Tấn	26.447	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
	- Thịt heo hơi	Tấn	183.135	
	- Thịt gia cầm hơi	Tấn	75.904	
	Trong đó: .Vịt	Tấn	21.200	
	. Gà	Tấn	54.704	
4	Lâm nghiệp			
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	548,41	
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	1,20	
5	Thủy sản			
	- Tổng sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	1.370	
	+ Sản lượng khai thác thủy sản	Nghìn tấn	114	
	+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Nghìn tấn	1.257	
	. Cá tra	Nghìn tấn	812	
	- Nuôi tôm	Nghìn tấn	26	
	- Nhuyễn thể	Nghìn tấn	26	
6	Số sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên (số lũy kế)	Sản phẩm	1.352	
7	Số hội quán	Hội quán	*	
VI	SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP			
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	408.000	Sở Công Thương
	Tốc độ tăng trưởng	%	14,5	
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	155	
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	401.945	
	- Sản xuất và phân phối điện	Tỷ đồng	3.800	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	2.100	
2	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu			Sở Công Thương
	- Cát khai thác	Nghìn m ³	11.000	
	- Thủy sản chế biến	Tấn	1.200.000	
	- Gạo xay xát, lau bóng	Nghìn tấn	5.800	
	- Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự	Tấn	52.000	
	- Thức ăn gia súc, thủy sản	Nghìn tấn	7.200	
	- Thuốc lá điều có đầu lọc	Nghìn gói	178.000	
	- Sản phẩm may	Nghìn cái	92.000	
	- Thuốc viên các loại	Triệu viên	3.750	
	- Các bộ phận của giày dép bằng da, tấm lót bên trong có thể tháo rời...	Nghìn đôi	78.200	
	- Bia	Nghìn lít	597.500	
	- Túi xách	Nghìn cái	18.800	
	- Bao và túi từ plastic	Nghìn cái	122.500	
	- Ống đồng	Tấn	310.500	
3	Phát triển khu - cụm công nghiệp			
a)	Số Khu công nghiệp được thành lập	Khu	16	Ban Quản lý Khu Kinh tế
	Số Khu công nghiệp đi vào hoạt động	Khu	16	
	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của Khu công nghiệp đang hoạt động (tính đến cuối kỳ báo cáo)	%	88,28	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
	Số dự án đang hoạt động	Dự án	244	
	+ TĐ: dự án FDI	Dự án	148	
b)	Số Cụm công nghiệp được thành lập	Cụm		Sở Công Thương
	Tổng số CCN đưa vào hoạt động (**)	Cụm	25	
	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của Cụm công nghiệp đang hoạt động (tính đến cuối kỳ báo cáo)	%	62	
	Số dự án đang hoạt động	Dự án	190	
	+ TĐ: dự án FDI	Dự án	25	
c)	Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu	Khu	1	Ban Quản lý Khu Kinh tế
	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của Khu kinh tế (tính đến cuối kỳ báo cáo)	%	58,05	
	Số dự án đang hoạt động	Dự án	11	
	Doanh nghiệp trong KCN, KKTCK, trong đó			
	+ Số lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp (đăng ký hoạt động)	Doanh nghiệp	175	
	+ Tần suất gặp gỡ, thăm tình hình sản xuất của doanh nghiệp	lần/ năm	20	
VII	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ			Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành tỉnh phụ trách quản lý ngành dịch vụ
1	Thương mại			
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	493.680	
	Tốc độ tăng trưởng	%	14,1	
	- Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	383.000	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	62.000	
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	680	
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	48.000	
2	Xuất, nhập khẩu			
a)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	Triệu USD	14.800	
	Tỷ lệ tăng trưởng	Triệu USD	10,0	
	- Kim loại thường khác và sản phẩm (kể cả đồng)	Triệu USD	1.650	
	- Gạo	Triệu USD	1.400	
	- Thủy sản chế biến	Triệu USD	1.200	
	- Sản phẩm từ chất dẻo	Triệu USD	780	
	- Sản phẩm ngành may	Triệu USD	1.250	
	- Giày dép	Triệu USD	1.000	
	- Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	Triệu USD	660	
	- Xơ, sợi dệt các loại	Triệu USD	150	
	- Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	Triệu USD	230	
	- Hàng Rau quả	Triệu USD	170	
	- Bánh phồng tôm, bánh kẹo, ngũ cốc	Triệu USD	110	
	- Hàng hoá khác	Triệu USD	6.200	
	Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu			
	- Thủy sản chế biến	Nghìn tấn	480	
	- Gạo	Nghìn	2.400	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
		tấn		
	- Bánh phồng tôm, bánh kẹo, ngũ cốc	Tấn	42.000	
	- Hàng Rau quả	Tấn	85.000	
b)	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	6.200	
	Tỷ lệ tăng trưởng	%	5,45	
	Các mặt hàng chủ yếu			
	- Xăng dầu	Triệu USD	430	
	- Nguyên liệu sản xuất tân dược	Triệu USD	65	
	- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày, túi xách	Triệu USD	890	
	- Kim loại thường khác (nguyên liệu đồng)	Triệu USD	1.450	
	- Sắt thép các loại	Triệu USD	610	
	- Chất dẻo nguyên liệu	Triệu USD	180	
	- Mặt hàng khác	Triệu USD	2.575	
c)	Xuất nhập khẩu biên mậu	Triệu USD	1.933	
	Tỷ lệ tăng trưởng	%	10,00	
	- Xuất khẩu biên mậu	Triệu USD	193	
	- Nhập khẩu biên mậu	Triệu USD	1.739	
3	Du lịch			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	- Số lượt khách du lịch	Lượt	50.000.000	
	Trong đó, khách quốc tế	Lượt	6.000.000	
	- Tổng thu ngành du lịch	Tỷ đồng	35.500	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch (2026 - 2030)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo
VIII	MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG, GIẢM NGHÈO			
1	Tốc độ tăng năng suất lao động	%/năm	8	Thống kê tỉnh
2	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	22	Sở Nội vụ
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	≥ 82,5	Sở Nội vụ
	Trong đó, Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	≥ 43,5	Sở Nội vụ
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	Không còn	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH
PHỤC VỤ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ
(Kèm theo Chương trình hành động ban hành tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ/ chương trình/ đề án	Thời gian trình phê duyet Kế hoạch của UBND tỉnh	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Tiến độ thực hiện	Nguồn lực thực hiện
I	Về thực hiện các đột phá chiến lược					
1	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030	Tháng 02/2026	Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết. Sơ kết, tổng kết và điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Tỉnh ủy	Sở Công Thương	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Đồng Tháp	Sau 30 ngày khi Nghị quyết được phê duyệt	Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết, tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; sơ kết, tổng kết và điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết.	Sở Xây dựng	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Đề án xây dựng tỉnh Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.	Sau 30 ngày khi Đề án được phê duyệt	Tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết và điều chỉnh, bổ sung Đề án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Kế hoạch thực hiện Nghị	Kế hoạch số 42/KH-	* Triển khai thực hiện Kế hoạch số	Sở Tài	2026 -	Ngân sách nhà

STT	Nội dung nhiệm vụ/ chương trình/ đề án	Thời gian trình phê duyet Kế hoạch của UBND tỉnh	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Tiến độ thực hiện	Nguồn lực thực hiện
	quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	UBND ngày 23/7/2025 (đang dự thảo Kế hoạch thay thế Kế hoạch số 42/KH- UBND ban hành trong Quý I/2026)	42/KH-UBND ngày 23/7/2025 và Kế hoạch thay thế Kế hoạch số 42 /KH-UBND; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp. * UBND tỉnh tiến hành thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW.	chính	2030	nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
5	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030.	Quý I/2026	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
II	Các nhiệm vụ khác góp phần thúc đẩy tăng kinh tế					
1	Kế hoạch thực hiện Kết luận Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030	Sau 30 ngày khi Kết luận được ký ban hành	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận, tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế khu vực biên giới tỉnh Đồng	Quý II/2026	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực	Sở Tài chính	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	Nội dung nhiệm vụ/ chương trình/ đề án	Thời gian trình phê duyet Kế hoạch của UBND tỉnh	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Tiến độ thực hiện	Nguồn lực thực hiện
	Tháp, giai đoạn 2025 - 2030.		hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp.			
3	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh trong giai đoạn mới	Tháng 02/2026 Sau 30 ngày khi Nghị quyết được ký ban hành	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Nội vụ	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về định hướng phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030.	Tháng 02/2026	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
5	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khai thác nguồn lực đất đai tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030.	Sau 30 ngày khi Nghị quyết được ký ban hành	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
6	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi	Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 24/9/2025	Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 24/9/2025; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	Nội dung nhiệm vụ/ chương trình/ đề án	Thời gian trình phê duyet Kế hoạch của UBND tỉnh	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Tiến độ thực hiện	Nguồn lực thực hiện
	mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia					
7	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Kế hoạch số 788/KH- UBND ngày 26/12/2025	Trên khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Công Thương	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
8	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Sau 30 ngày khi Đảng ủy UBND Tỉnh ký ban hành Kế hoạch	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động; Tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Tư pháp	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
9	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Quý I/2026	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; Tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
10	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày	Quý I/2026	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết;	Sở Y tế	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn

STT	Nội dung nhiệm vụ/ chương trình/ đề án	Thời gian trình phê duyet Kế hoạch của UBND tỉnh	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Tiến độ thực hiện	Nguồn lực thực hiện
	09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân		Tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp			vốn hợp pháp khác
11	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 30/12/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 01/2026	Xây dựng Kế hoạch của UBND Tỉnh thực hiện Chương trình hành động; Tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện; Sơ kết, tổng kết; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp	Sở Công Thương	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

Phụ lục III
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA ĐỊA PHƯƠNG
ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

(Kèm theo Chương trình hành động ban hành tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
I	Nông nghiệp, thủy lợi, biến đổi khí hậu					Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi tổng quát
1	Xói lở bờ biển Gò Công (đoạn từ cầu Rạch Bùn đến Đền Đò), huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	Đê giảm sóng bằng kết cấu rồng BTCT, chiều dài tuyến 6.817m	Ngân sách Trung ương	336.000	2025 - 2028	Ban QLDA NNPTNT
2	Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp	Chiều dài kè L=1100m	Ngân sách Trung ương	450.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
3	Khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ sông Tiền tại đường Nguyễn Hương (khóm Tân Tịch và khóm Tịnh Hưng), phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	- Chiều dài kè L=520m (bao gồm khoá đầu kè) - Mái kè phía sông: Gia cố lấp hồ xói bằng bao cát vải địa tạo mái $m \geq 3$; trải thảm đá (chiều rộng ra sông đến mái giả định khoảng 90m.	Ngân sách Trung ương	460.000	2026 - 2028	Ban QLDA NNPTNT

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
		- Đinh kè: Tường góc đặt trên nền móng cọc BTCT, kết hợp vỉa hè.				
4	Đầu tư xây dựng hệ thống công ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 2) - Hạng mục Cống Ba Rài, cống Âu trên sông Cái Bè	Cống Ba Rài 02 khoang cửa (mỗi khoang cửa rộng 30m) và cống Âu trên sông cái Bè có 02 khoang cửa (mỗi khoang cửa rộng 30m), 01 khoang âu thuyền rộng 12m.	Ngân sách Trung ương	1.014.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
5	Xử lý sạt lở sông Tiền đoạn qua cù lao Thới Sơn, cù lao Tân Long	Xây dựng kè BTCT chiều dài tuyến: Thới Sơn: 3.495m. Tân Long: 2.330m	Ngân sách Trung ương	500.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
6	Xử lý sạt lở sông Tiền đoạn qua phường Cao Lãnh, xã Mỹ An Hưng		Ngân sách Trung ương	800.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
7	Xử lý sạt lở sông Tiền đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Tháp		Ngân sách Trung ương	2.900.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
8	Kè chống sạt lở nổi Cồn Ngang và Cồn Cống	Đê giảm sóng bằng kết cấu rỗng BTCT, chiều dài tuyến 3.770m	Ngân sách Trung ương	166.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
9	Đầu tư xây dựng các hồ trữ nước phục vụ sản xuất và dân sinh đảm bảo an ninh nguồn nước tỉnh Đồng Tháp	Chưa lập chủ trương đầu tư	Ngân sách Trung ương	4.382.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
10	Đê biển Tân Phú Đông	Xây dựng tuyến đê biển dài 15km và 21 cống dưới đê	Ngân sách Trung ương	1.437.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
11	Chống chịu khí hậu và Chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long vốn vay WB - Dự án thành phần tỉnh Tiền Giang (WB11)	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật thủy lợi (công, kênh mương, đê...) để chủ động điều tiết nguồn nước bảo vệ diện tích khoảng 43.500ha	Vốn ODA	1.049.475	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
12	Chống chịu khí hậu và Chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long vốn vay WB - Dự án thành phần tỉnh Đồng Tháp (WB11)	Đầu tư hệ thống trạm bơm điện, cống, nâng cấp bờ bao, đường giao thông nhằm nâng cao năng lực bảo vệ diện tích khoảng 12.500ha	Vốn ODA	998.000	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
13	Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cho lúa các bon thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Kiên cố hoá be tòng kênh nội đồng; nâng cấp sửa chữa trạm bơm điện; Nạo vét kênh nội đồng; nâng cấp sửa chữa cống bảo vệ diện tích khoảng 75.500ha	Vốn ODA	1.443.472	2026 - 2029	Ban QLDA NNPTNT
II	Giao thông					Sở Xây dựng, theo dõi đánh giá chung các dự án
a)	Dự án quốc lộ, tỉnh lộ liên kết vùng					
1	Đường tỉnh 877C (Quốc lộ 1 đến	Chiều dài khoảng 38,296Km,	Ngân sách	3.550.000	2026 - 2031	Ban QLDA Giao

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
	Quốc lộ 50, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận)	nền đường 12m, mặt đường 11m, xây dựng các cầu, cống trên tuyến với tải trọng thiết kế HL93	Trung ương			thông
2	Trục giao thông đô thị Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang đoạn qua tỉnh Tiền Giang (quy hoạch Quốc lộ 50B)	Chiều dài 14km, nền đường 31-40m, mặt đường 21-22,5m, xây dựng các cầu và cống trên tuyến với tải trọng thiết kế HL93	Ngân sách Trung ương	4.279.000	2026 - 2031	Ban QLDA Giao thông
3	Mở rộng Quốc lộ 30 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cửa khẩu)	Chiều dài tuyến khoảng 119km, quy mô cấp III - Đồng bằng	Ngân sách Trung ương	2.000.000	2027 - 2030	Ban QLDA Giao thông
4	Quốc lộ 30B (đoạn qua tỉnh Đồng Tháp)	Chiều dài tuyến khoảng 92km, quy mô cấp III - Đồng bằng	Ngân sách Trung ương	8.808.511	2026 - 2031	Ban QLDA Giao thông
5	Đầu tư Quốc lộ 50, Quốc lộ 60	Tuyến tránh Quốc lộ 50 đoạn qua trung tâm thành phố Mỹ Tho (cũ) dài 9,7km, quy mô cấp II - Đồng bằng; Tuyến tránh quốc lộ 50 đoạn qua trung tâm thành phố Gò Công (cũ) dài 5,87km	Ngân sách Trung ương	2.745.000	2026 - 2029	Ban QLDA Giao thông
6	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận tỉnh Tiền Giang kết nối với tỉnh Long An và tỉnh Bến Tre (giai	Chiều dài khoảng 25,2km, cấp III đồng bằng; Trên tuyến có 01 cầu lớn, 04 cầu trung và	Vốn ODA	7.095.040	2025 - 2030	Ban QLDA Giao thông

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
	đoạn 1)	nhỏ				
7	Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng mới nhánh N1, N2, N3 tuyến đường bộ khu vực Nam Sông Tiền với tổng chiều dài khoảng 44,59 km quy mô cấp II, cấp III đồng bằng	Vốn ODA	4.729.433	2027 - 2032	Ban QLDA Giao thông
b)	Đường tỉnh					
1	Đường Hùng Vương (đoạn từ Quốc lộ 50 đến Quốc lộ 1)	Chiều dài tuyến 4,8km, lộ giới 40m, mặt đường rộng 11x2m; Xây dựng 02 cầu	Ngân sách Trung ương	1.242.000	2026 - 2029	Ban QLDA Giao thông
2	Đường tỉnh 870B (từ vòng xoay cao tốc đến Quốc lộ 1)	Chiều dài tuyến 4,32km, nền đường rộng 33m, mặt đường rộng 19m; Xây dựng 01 cầu	Ngân sách Trung ương	857.000	2026 - 2029	Ban QLDA Giao thông
3	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.847 đoạn Đường Thét - Trường Xuân		Ngân sách Trung ương	1.100.000	2026 - 2029	Ban QLDA tỉnh
4	Đầu tư xây dựng tuyến 852C đoạn giao QL.80 - giao cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ		Ngân sách Trung ương	1.950.000	2026 - 2029	Ban QLDA tỉnh
5	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền) giai đoạn 2	Chiều dài tuyến 71,58km (trong đó làm mới 11,53km, nâng cấp mở rộng 60,05km) mặt đường rộng 11m, chiều rộng nền đường 12m; Xây	Ngân sách Trung ương	2.700.000	2026 - 2029	Ban QLDA Giao thông

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
		dựng mới, nâng cấp mở rộng các cầu, cống trên tuyến				
6	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.845		Ngân sách Trung ương	2.680.000	2026 - 2029	Ban QLDA tỉnh
7	Đường tỉnh 862B (trục đô thị biển)	Chiều dài tuyến 10,44km, nền đường rộng 12m, mặt đường rộng 7m và mỗi bên rộng 2m xe thô sơ; Xây dựng 05 cầu	Ngân sách Trung ương	971.705	2026 - 2028	Ban QLDA Giao thông
8	Đầu tư nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		Ngân sách Trung ương	2.900.000	2026 - 2029	Ban QLDA Giao thông
9	Đường tỉnh 866B (đoạn từ ranh xã Tân Phước 3 đến kênh Năng)		Ngân sách địa phương	148.472	2026 - 2028	Ban QLDA Giao thông
10	Cải tạo Nút giao An Bình, tỉnh Đồng Tháp		Ngân sách địa phương	160.000	2026 - 2028	Ban QLDA tỉnh
11	Đường tỉnh 872B nối dài (Đường vào khu dân cư xã Phú Thạnh)		Ngân sách địa phương	137.503	2029 - 2032	Ban QLDA Giao thông
12	Đường 868B (từ QL1 đến Tuyến tránh QL1)		Ngân sách địa phương	120.000	2030 - 2033	Ban QLDA Giao thông
13	Nâng cấp mở rộng ĐT.874B (từ QL1 đến đường ĐT 874B phía Nam QL1)		Ngân sách địa phương	175.000	2027 - 2030	Ban QLDA Giao thông

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
14	Đường tỉnh 874B nối dài về phía Bắc QL 1		Ngân sách địa phương	286.000	2030 - 2033	Ban QLDA Giao thông
15	Đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười (giai đoạn 2)		Ngân sách địa phương	946.538	2027 - 2030	Ban QLDA Giao thông
16	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐT.843 (đoạn cầu Giồng Răng - thị trấn Sa Rài)		Ngân sách địa phương	239.000	2028 - 2031	Ban QLDA tỉnh
c)	Đường liên xã, phường					
1	Đường Bà Thừa - Xã Tân Bình		Ngân sách địa phương	154.382	2027 - 2029	Ban QLDA KV III
2	Đường Lộ Dây Thép (đoạn thị xã Cai Lậy)		Ngân sách địa phương	239.790	2026 - 2029	Ban QLDA KV III
3	Đường huyện 58B (Võ Việt Tân nối dài)		Ngân sách địa phương	334.000	2026 - 2029	Ban QLDA KV III
4	Nâng cấp, mở rộng đường Ấp Bắc (đoạn từ cầu Trường Tín đến ĐH 53)		Ngân sách địa phương	322.865	2026 - 2028	Ban QLDA KV III
5	Nâng cấp, mở rộng ĐH.63		Ngân sách địa phương	100.866	2026 - 2028	Ban QLDA KV III
6	Nâng cấp đường huyện 40 (đoạn từ ĐT.867 đến Láng Cát, đường huyện 45B thành đường tỉnh 865B)		Ngân sách địa phương	288.000	2026 - 2028	Ban QLDA KV III

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
7	Nâng cấp đường huyện 41 và các cầu trên tuyến (đoạn từ ĐT.867 đến Láng Cát)		Ngân sách địa phương	160.000	2026 - 2028	Ban QLDA KV III
8	Nâng cấp, mở rộng đường huyện 42 và các cầu trên tuyến		Ngân sách địa phương	256.703	2026 - 2028	Ban QLDA KV III
9	Nâng cấp đường huyện 48B và sửa chữa đường bắc Kênh trưng Văn Sanh, đường dọc kênh 4 xã Thạnh Hoà		Ngân sách địa phương	116.646	2026 - 2028	Ban QLDA KV III
10	Đường kết nối đô thị thị trấn Vĩnh Bình và Long Bình.		Ngân sách địa phương	289.000	2026 - 2028	Ban QLDA KV IV
11	Nâng cấp, mở rộng đường và cầu kết nối Đường tỉnh 873B với Đường tỉnh 873		Ngân sách địa phương	155.000	2026 - 2028	Ban QLDA Giao thông
12	Đường huyện 15		Ngân sách địa phương	144.000	2026 - 2028	Ban QLDA KV IV
13	Đường rạch Bà Ngọt		Ngân sách địa phương	215.000	2027 - 2030	Ban QLDA KV IV
14	Đường Âu Dương Lân nối dài (đoạn từ Chợ Gạo đến đến đường Thái Sanh Hạnh)		Ngân sách địa phương	182.000	2027 - 2029	Ban QLDA KV IV
15	Nâng cấp, mở rộng các tuyến Đường huyện cũ kết nối liên phường, xã		Ngân sách địa phương	220.000	2029 - 2030	Ban QLDA KV IV

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
	((ĐH 86C, ĐH 87, ĐH 89)					
16	Đường ĐH.65 (Đoạn từ ĐH.64 đến ĐH.68)		Ngân sách địa phương	110.000	2026 - 2028	Ban QLDA KV III
17	Đường huyện 35 (Quy hoạch Đường tỉnh 880 - Đoạn từ ĐT.876 đến cầu Ba Rài)		Ngân sách địa phương	1.184.776	2026 - 2031	Ban QLDA KV III
18	Đường từ Quốc lộ 80 đến Phú Long		Ngân sách địa phương	117.616	2029 - 2032	Ban QLDA KV I
19	Mở rộng đường An Khánh - An Phú Thuận - Lộc Hoà (đoạn từ UBND xã An Khánh cũ đến cầu Hàn Thê)		Ngân sách địa phương	192.000	2029 - 2032	Ban QLDA KV I
20	Đường ĐT 854 mới (từ QL.80 đến Cụm dân cư Xẻo Mát)		Ngân sách địa phương	880.000	2028 - 2031	Ban QLDA tỉnh
21	Các tuyến đường quy hoạch khu trung tâm hành chính Tân Phú Đông		Ngân sách địa phương	120.000	2028 - 2031	Ban QLDA KV IV
22	Hạ tầng - Giao thông các tuyến đường Xã Long Khánh: Đường Dơi Xoài; đường Long Tả; đường Long Hữu; đường Tắt Nam Hang; đường giồng Long Khánh A-B		Ngân sách địa phương	122.908	2027 - 2029	Ban QLDA KV I
d)	Đầu tư các dự án cầu					
1	Đường và cầu (Kênh 28 và Kênh 5)		Ngân sách địa	781.604	2026 - 2029	Ban QLDA Giao

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
	nối liền đường tỉnh 861 - 863		phương			thông
2	Đầu tư xây dựng cầu Ô Thước và cầu Bàn Long, xã Vĩnh Kim		Ngân sách địa phương	149.829	2026 - 2028	Ban QLDA KV III
3	Xây dựng mới các cầu trên tuyến đường tỉnh 861, 863		Ngân sách địa phương	239.832	2026 - 2029	Ban QLDA KV III
4	Cầu qua kênh Đồng Tiến		Ngân sách địa phương	118.416	2027 - 2029	Ban QLDA KV I
5	Xây dựng mới 05 cầu trên tuyến đường ĐT.852 (Đoạn từ QL.80 – nút giao Rẽ Quạt ĐT.851)		Ngân sách địa phương	119.000	2027 - 2029	Ban QLDA tỉnh
6	Đầu tư xây dựng cầu Hoà Bình – Vĩnh Châu B kết nối Đồng Tháp với Long An		Ngân sách địa phương	150.000	2028 - 2030	Ban QLDA tỉnh
7	Đầu tư xây dựng cầu Vàm Cống - Hoà An kết nối Đồng Tháp với An Giang và cầu Lấp Vò		Ngân sách địa phương	190.000	2026 - 2028	Ban QLDA tỉnh
đ)	Đường phát triển đô thị					
1	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài, đoạn từ đường Phạm Nhơn Thuận đến đường Sở Tư pháp		Ngân sách địa phương	336.000	2027 - 2029	Ban QLDA KV I
2	Đường Đê Hùng Vương		Ngân sách địa phương	220.000	2027 - 2030	Ban QLDA KV IV

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
3	Đường kết nối đường vào Trường THCS Nam Định đến đường Lê Văn Phẩm		Ngân sách địa phương	120.000	2027 - 2030	Ban QLDA KV IV
III	Giáo dục và Đào tạo					Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi tổng quát
1	Trường TH - THCS Tân Hồng	Đầu tư với quy mô 1065 học sinh	Ngân sách Trung ương	183.590	2026 - 2029	Ban QLDA KV I
2	Trường TH - THCS Tân Hộ Cơ	Đầu tư với quy mô 1240 học sinh	Ngân sách Trung ương	190.660	2026 - 2029	Ban QLDA KV I
3	Trường TH - THCS Tân Thành	Đầu tư với quy mô 1010 học sinh	Ngân sách Trung ương	214.970	2026 - 2029	Ban QLDA KV I
4	Trường TH - THCS Thường Phước	Đầu tư với quy mô 2040 học sinh	Ngân sách Trung ương	191.610	2026 - 2029	Ban QLDA KV I
5	Trường TH - THCS Hồng Ngự	Đầu tư với quy mô 1600 học sinh	Ngân sách Trung ương	253.200	2026 - 2029	Ban QLDA KV I
6	Trường TH - THCS Thường Thới Hậu	Đầu tư với quy mô 1245 học sinh	Ngân sách Trung ương	191.490	2026 - 2029	Ban QLDA KV I
IV	Lĩnh vực Y tế					Sở Y tế theo dõi tổng quát
1	Bệnh viện Đa khoa vùng (Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang)	Đầu tư với quy mô 500-1000 giường	Ngân sách Trung ương	900.000	2026 - 2030	Ban QLDA DDCN

TT	Danh mục công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời hạn (bắt đầu- kết thúc)	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi tiến độ báo cáo
2	Xây dựng Bệnh viện sản nhi Đồng Tháp	Đầu tư với quy mô 500 giường	Ngân sách Trung ương	600.000	2026 - 2029	Ban QLDA tỉnh
3	Bệnh viện Hồng Ngự	Đầu tư với quy mô 200 giường	Ngân sách Trung ương	250.000	2026 - 2029	Ban QLDA tỉnh

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ ÁN MỜI GỌI ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG THÁP

(kèm theo Chương trình hành động ban hành tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu dự án	Quy mô dự án (diện tích)	Hình thức mời gọi đầu tư/ dự kiến	Thông tin quy hoạch, căn cứ pháp lý	Đơn vị chủ trì theo dõi thực hiện
1	Các dự án tại khu dịch vụ hậu cần nghề cá	xã Gia Thuận	Xây dựng bến, đầu mối tiếp nhận, chế biến thủy sản và cung ứng dịch vụ hậu cần nghề cá	9,39 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	- Đất công do Nhà nước quản lý. - Phù hợp Quy hoạch tỉnh, thuộc Danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Quyết định số 1762/QĐ-TTg; - Quy hoạch chung, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Tiểu khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Cao Lãnh	xã Mỹ Hiệp	Hình thành khu chuyên sản xuất giống thủy sản và các loại giống phục vụ nông nghiệp.	26,8 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	Đất do Nhà nước quản lý; - Phù hợp quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng 2025. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất huyện Cao Lãnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu dự án	Quy mô dự án (diện tích)	Hình thức mời gọi đầu tư/ dự kiến	Thông tin quy hoạch, căn cứ pháp lý	Đơn vị chủ trì theo dõi thực hiện
3	Khu Nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái	xã Thường Phước	Hình thành Khu nông nghiệp kỹ thuật cao và Khu du lịch sinh thái	237,6 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Đất do Nhà nước quản lý; - Phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã Thường Phước 1 được phê duyệt tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Hồng Ngự; - Đồng thời địa phương đã phối hợp cập nhật tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa Khẩu Đồng Tháp do Ban QLKKT tỉnh thực hiện. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. 	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Khu Sản xuất kinh doanh Nông sản (hỗn hợp)	xã Thường Phước	Hình thành khu liên hợp nhà máy xay xát gạo xuất khẩu tích hợp nhà máy xử lý chất thải nông nghiệp bằng công nghệ sinh học, nhà máy điện năng lượng tái tạo, cảng hàng hoá, hậu cần và trung tâm điều phối nông sản sản xuất	32,37 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Đất do Nhà nước quản lý; - Phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã Thường Phước 1 được phê duyệt tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Hồng Ngự; và Quy hoạch chung xây dựng xã Thường Phước 2 được phê duyệt tại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND huyện Hồng Ngự; - Đồng thời địa phương đã phối hợp cập nhật tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa Khẩu Đồng Tháp do Ban QLKKT tỉnh thực hiện. - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. 	Ban Quản lý Khu Kinh tế

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu dự án	Quy mô dự án (diện tích)	Hình thức mời gọi đầu tư/ dự kiến	Thông tin quy hoạch, căn cứ pháp lý	Đơn vị chủ trì theo dõi thực hiện
5	Khu Thương mại phức hợp và Dịch vụ y tế Tiền Giang	phường Trung An	Xây dựng khu dân cư kết hợp thương mại và dịch vụ y tế	6 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Đất do Nhà nước quản lý, - Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023; - Phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 03/7/2014; phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Thương mại phức hợp và Dịch vụ Y tế Tiền Giang đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 13/11/2023; Quy hoạch sử dụng đất thành phố Mỹ Tho đến năm 2030 	Sở Xây dựng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu dự án	Quy mô dự án (diện tích)	Hình thức mời gọi đầu tư/ dự kiến	Thông tin quy hoạch, căn cứ pháp lý	Đơn vị chủ trì theo dõi thực hiện
6	Cảng biển tổng hợp Gò Công	Xã Gia Thuận	Xây dựng Cảng biển tổng hợp	390 ha	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023; - Thuộc Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 quyết định điều chỉnh Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; - Phù hợp điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Gò Công Đông tại Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang. 	Sở Xây dựng
7	Khu công nghiệp Dịch vụ dầu khí Soài Rạp	xã Gia Thuận	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, thân thiện với môi trường để thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế - xã hội trên địa	285,3 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Đất do Nhà nước quản lý; - Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung. 	Ban Quản lý Khu kinh tế

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu dự án	Quy mô dự án (diện tích)	Hình thức mời gọi đầu tư/ dự kiến	Thông tin quy hoạch, căn cứ pháp lý	Đơn vị chủ trì theo dõi thực hiện
			bàn Tỉnh.				
8	Dự án Khu đất mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và các tiện ích kèm theo thửa đất số 1867, tờ bản đồ địa chính số 2 tại ấp Long Hoà B, xã Long Định)	xã Long Định	Sản xuất, chế biến nông sản; dịch vụ tiện ích phục vụ phát triển công nghiệp chế biến nông sản	10,3 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	- Đất do Nhà nước quản lý; - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung; - Quyết định chủ trương đầu tư số 1191/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang.	Sở Công Thương
9	Dự án Khu đất mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và các tiện ích kèm theo (thửa đất số 1868, tờ bản đồ địa chính số 2 tại ấp Long Hoà B, xã Long Định)	xã Long Định	Sản xuất, chế biến nông sản; dịch vụ tiện ích phục vụ phát triển công nghiệp chế biến nông sản	20,4 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	- Đất do Nhà nước quản lý; - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung; - Quyết định chủ trương đầu tư số 1192/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang.	Sở Công Thương
10	Dự án Khu đất mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và các tiện ích kèm theo (thửa đất số 2834, tờ bản đồ địa chính số 1 tại ấp 7, xã Tam Hiệp)	xã Long Hưng	Sản xuất, chế biến nông sản; dịch vụ tiện ích phục vụ phát triển công nghiệp chế biến nông sản	22,3 ha	Đấu giá quyền sử dụng đất	- Đất do Nhà nước quản lý; - Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung; - Quyết định chủ trương đầu tư số 1193/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang.	Sở Công Thương

